

Số: 892/PTNMT

Quận 8, ngày 26 tháng 12 năm 2023

Về việc niêm yết Danh mục các khu đất do  
Nhà nước quản lý trên địa bàn Quận 8

Kính gửi:

- Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 8;
- Ủy ban nhân dân 16 Phường Quận 8.

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 tại Thông báo kết luận số 1272/TB-VP ngày 16 tháng 11 năm 2023 liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất do Nhà nước quản lý có nguồn gốc do Hợp tác xã nông nghiệp quản lý trên địa bàn Quận 8, trong đó, giao Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 8 cung cấp thông tin toàn bộ các khu đất đến Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 8 để cập nhật lên trang thông tin điện tử của Quận về Danh mục các khu đất công của Nhà nước hiện đang chờ xử lý.

Qua rà soát, Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 8 có ý kiến như sau:

Để đảm bảo công khai, thông tin rộng rãi đến mọi tầng lớp nhân dân và cán bộ công chức làm việc trong các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội được biết, cùng phối hợp giám sát quỹ đất do Nhà nước quản lý, Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 8 cung cấp toàn bộ Danh mục các khu đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn Quận 8 (291 khu đất), bao gồm các khu đất chưa qua sử dụng (89 khu đất), các khu đất dôi dư sau khi thực hiện dự án (106 khu đất), các khu đất có nguồn gốc đất nông nghiệp do Hợp tác xã quản lý (96 khu đất).

Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 8 đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 8, Ủy ban nhân dân 16 phường Quận 8 niêm yết công khai danh mục các khu đất do Nhà nước quản lý tại trụ sở cơ quan, trên trang thông tin điện tử của Quận 8 và tại Bảng tin của Ủy ban nhân dân 16 phường Quận 8.

Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 8 đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 8, Ủy ban nhân dân 16 phường Quận 8 quan tâm, khẩn trương thực hiện./.

(Đính kèm Danh mục các khu đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn 16 phường)

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. UBND Q8; (để báo cáo)
- Lưu: VT, TN.

(Phụng)



TRƯỞNG PHÒNG

Hồ Thanh Bình



**DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG 1**

Phụ lục 1

STT	Theo BĐDC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
<b>I. ĐẤT CHƯA QUA SỬ DỤNG: 04 khu</b>							
1	70	1	200,6	1	Đường dự phóng, CVCX	Đất trống+ nhà bao chiếm, trước số 14/16 PT Hiền	
2	1P82	9	68	1	dân cư hiện hữu	Đất trống không có lối lưu thông. (UBND P1 đã rào chắn khu đất)	
3	11	35	671,7	1	Đất công trình công cộng	Đất trống, không có lối lưu thông. Sau số 290/4 DB Trạc, cạnh số 125/225/62G NT Tân.	
4	R	35	53,7	1	CVCX+HLKR	Sân trống (Phường đã rào lưới B40) đầu hẻm 290 DBT (tiếp giáp đường Dương Bá Trạc)	
<b>II. ĐẤT DỐI DƯ SAU DỰ ÁN CẦU ĐƯƠNG NGUYỄN VĂN CỬ: 04 khu</b>							
5	1p 97	3	8,6	1	Giao thông (nằm trong lộ giới đường Phạm Thế Hiền)	Lề đường cạnh số 80 - 82 Phạm Thế Hiền (có một phần thửa 98 bao chiếm sử dụng diện tích 1,7m <sup>2</sup> )	
6	123	3	8,4	1	Giao thông (nằm trong lộ giới đường Phạm Thế Hiền)	Lề đường cạnh số 70 Phạm Thế Hiền (nhà số 68/1 Phạm Thế Hiền trở cửa lưu thông)	
8	58	34	29,2	1	CVCX và HLBV Kênh rạch	Nhà số 290B/1A và 290/33/5/T4 xây dựng, trở cửa sử dụng (vách thạch cao + tole, mái rào B40 che bạt + tole)	

STT	Theo BĐDC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
9	2	36	6,0	1	Đường dự phóng	Phần lề đường mũi tàu hẻm 290 và Dương Bá Trạc, cạnh nhà số 290/224 Dương Bá Trạc	

**DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG 2**

Phụ lục 2

STT	Theo BĐDC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
<b>I. ĐẤT CHƯA QUA SỬ DỤNG: 04 khu</b>							
1	67	20	89,6	2	Đường dự phóng + DCHH (39,3 m)	Trạm bơm nước+nhà trệt vách tôn+gạch+mái tôn+sân trồng (số 137/65 Âu Dương Lân)	
2	1p33	30	292.8	2	Đất dân cư hiện hữu+giao thông	Đất trống, UBND P2 quản lý làm khu luyện tập thể dục thể thao, giữ tạo quỹ đất	
3	1p34	30	121.3	2	Đất dân cư hiện hữu+giao thông	Trạm bơm nước cũ 12 lô U Nguyễn Thị Tần	
4	118	47	21,3	2	dân cư hiện hữu (20.9m <sup>2</sup> ) + lộ giới hẻm mở rộng	nhà hiện hữu tại địa chỉ 288/10 Dương Bá Trạc.	
<b>II. ĐẤT DÔI DƯ SAU DỰ ÁN CẦU ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN CỬ: 09 khu</b>							
5	20	3	10,6	2	Đường dự phóng	Đường trước số 86/11 và 86/16 Phạm Thế Hiển	
6	21	3	3,5		Đường dự phóng		

STT	Theo BĐĐC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
7	1p 29	3	15,7	2	CVCX và HLBV Kênh rạch	Lề đường sau số 100 Phạm Thế hiển (nhà số 104/4 trở cửa, sử dụng)	
8	1p 51	3	55,7	2	CVCX và HLBV Kênh rạch	Sân trồng, cạnh và sau số 100 Phạm Thế Hiển (nhà số 100 trở cửa lưu thông và xây công trình tạm cột sắt + mái tôn) + nhà số 104/2 trở cửa lưu thông	
9	1p 29, 32	4	22,5	2	Dân cư hiện hữu + giao thông	Lề đường (cạnh số 77 PTH và một phần do nhà số 02 DBT xây dựng, trở cửa sử dụng)	
10	1p109	4	10,8	2	Dân cư hiện hữu	Lề đường (nhà số 18/1 Dương Bá Trạc lấn chiếm một phần và trở cửa lưu thông, cạnh nhà số 20 Dương Bá Trạc)	
11	1p16	13	70,2	2	Dân cư hiện hữu + giao thông	Hẻm xi măng (cạnh nhà số 60 Dương Bá Trạc và hẻm 56 Dương Bá Trạc) (một phần là trạm điện giảm thế + nhà số 56/5 Dương Bá Trạc trở cửa lưu thông)	
12	100	36	38,3	2	Đường dự phóng	Trạm điện giảm thế + giao thông	

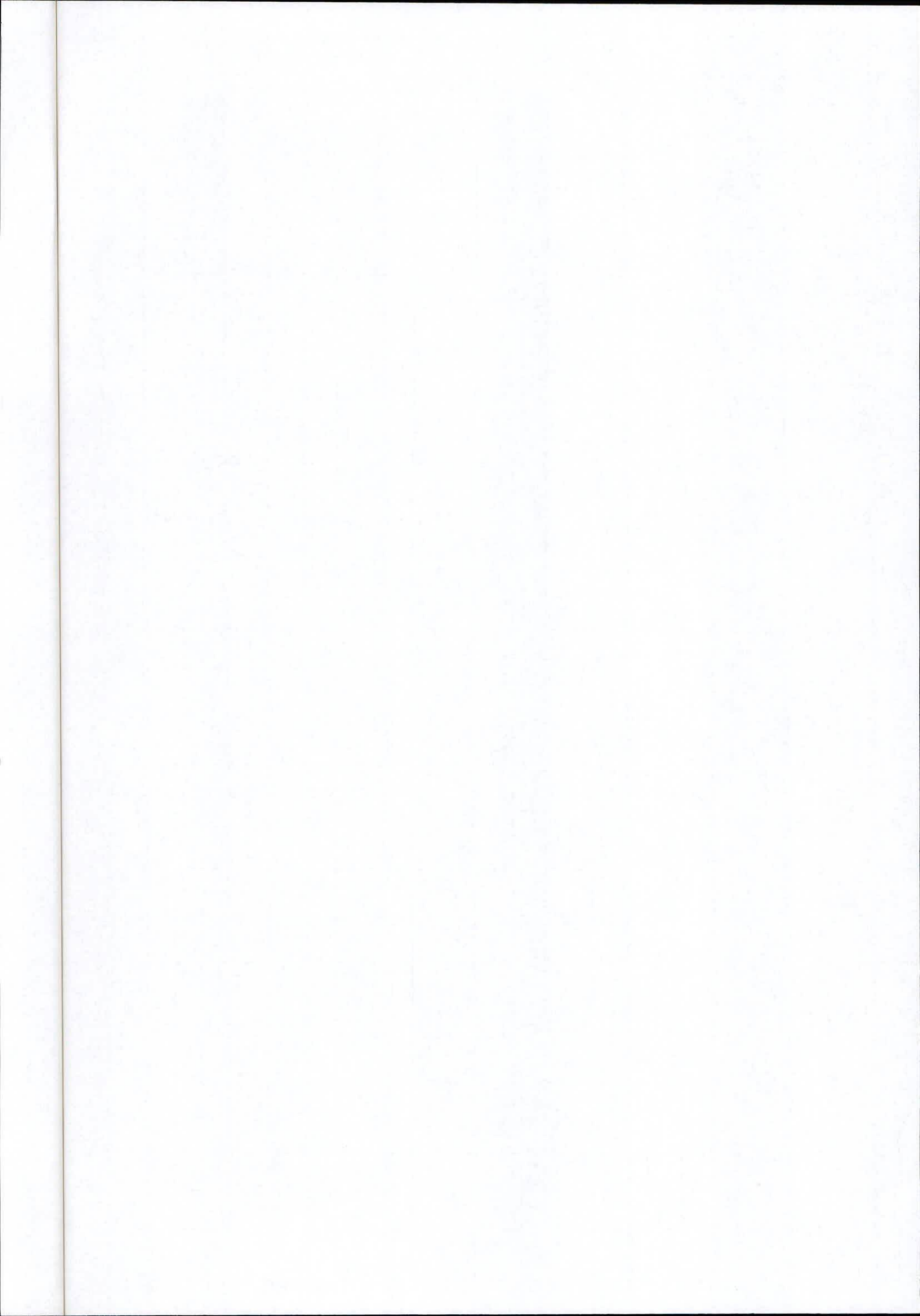
STT	Theo BĐĐC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
13	37	47	6,5	2	Đường dự phóng	Nhà cấp 4, do chủ cũ tạm sử dụng (liên quan ông Trần Văn Khá)	



**DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG 3**

PHỤ LỤC 3

STT	Theo BĐĐC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
<b>I. ĐẤT CHƯA QUA SỬ DỤNG: 7 khu</b>							
1	96	13	35,3	3	Đất CVCX	đất trống	
2	97	13	31,1	3		Nhà hiện hữu, Cạnh A22/10 Dạ Nam	
3	1p63	49	97,8	3	Dân cư hiện hữu (86.6m <sup>2</sup> ) + lộ giới hẻm mở rộng	đất trống	
4	2	51	90	3	CVCX+Đường DP+HLBVKR	Nhà trọ, cuối hẻm 314 Âu Dương Lân (Liên quan đến đất do Ban Liên kết hợp tác đầu tư Q8 trước đây)	
5	31	51	101,3				
6	32	51	80				
7	34	51	112.6				



DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG 4

PHỤ LỤC 4

STT	Theo 02/CT-UB		Theo BĐĐC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ					
<b>I. ĐẤT CHƯA QUA SỬ DỤNG: 02 khu đất</b>									
1			1p18	26	29,9	4	Đất giao thông	Đất trống (Phường đã rào tôn xung quanh khu đất)	
2			1p(33,15)	39	61,7	4	Dân cư hiện hữu+đường giao thông	Đất trống	

STT	Theo 02/CT-UB		Theo BĐDC		Diện tích (m2)	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ					
<b>II. ĐẤT HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUYẾT THANG QUẢN LÝ: 11 khu</b>									
3	39	1	1p(1,16,17,19)+1 8+@	32	778	4	Đất hỗn hợp	Văn phòng HTX + mặt bằng trống	
4	1p158	1	1p(46,47)	60	994,5	4	Dân cư hiện hữu	Ao, không có đường vào	
5	1p56	2	1p4	56	2377	4	CVCX	đất trống	
6	1p56	2	1p4	56	1000	4	CVCX	Đất trống+lề đường	
7	1p9	2	1p(17+@)+1p(3, 4+@)	49	2788	4	CVCX	Kênh mương thủy lợi	
8	1p32	2	1p(3,4,6,7,11)+@	49	2154		CVCX		
9	34	2	1p(1,2,3)+1p11+ @	49+56	778		CVCX		

STT	Theo 02/CT-UB		Theo BĐĐC		Diện tích (m2)	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ					
10	1p39	2	1p3+@	32, 56	8		CVCX + 1 phần đường dự phóng	Kênh mương thủy lợi	
11	1p67	2	1p3	56	353		CVCX		
12	1p193	2	1p2+@	58	161,4	4	Dân cư phát triển + CTCC (đã loại một phần diện tích 159.09m2 mở rộng Bệnh viện Quận 8 và một phần diện tích 48.61m2 làm đường giao thông hiện hữu)	Đất trống sau Bệnh viện Q8	
			1p30+@	48	301,9	4	Đất đường giao thông + 1 phần CTCC	Mặt bằng số 80 đường Cao Lỗ	
13			1p(2,1)	57,93	350	4	Dân cư phát triển +Đường DP	Đất trống (sân Quán cà phê Vườn Xanh)	



**DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG 5**

PHỤ LỤC 5

STT	Theo BĐĐC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
<b>I. ĐẤT CHƯA QUA SỬ DỤNG: 10 khu</b>							
1	21, 22, 23, 1p24, 1p25, 1p26, 1p27, 30, 1p33	95	920	5	DCHH chính trang (799,0m <sup>2</sup> )+ Đường DP	Đường + nhà hiện hữu (Liên quan bà Hà Thị Đốc)	
2	1p5	102	454,2	5	CTCC (Mở rộng bến xe Q8) - Đất giao thông	Điểm sinh hoạt khu phố 10 và sân trồng đặt dụng cụ thể dục thể thao	
3	64	103	413	5	CTCC (Mở rộng bến xe Q8)	Ao đã san lấp, tường xây bao chưa hết ranh khu đất	
4	67	103	378	5	CTCC (Mở rộng bến xe Q8)	Ao đã san lấp + 1 căn nhà do ông Phạm Văn Mình sử dụng trước thời điểm lập bản vẽ bàn giao khu đất.	

STT	Theo BĐDC		Diện tích (m2)	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
5	1p1	114	133,2	5	Dân cư phát triển - CVCX - Hành lang bảo vệ kênh rạch	Vừa cát, Cuối đường 1017 P.T.Hiền (Liên quan đất Tập đoàn nông nghiệp giao khoán cao cho bà Trần Thị Thại)	
6	1p2	114	114,3				
7	1p4	114	961,3				
8	1p5	114	1422,6				
9	1p17	114	1180,3				
10	14	118	388,3	5	Dân cư phát triển (dân cư xây dựng mới) - Giao thông	40 m2 đã xây dựng ngôi nhà mơ ước. Phần còn lại: đất trống, công trình tạm trên đất	

**II. ĐẤT DÔI DƯ SAU DỰ ÁN: (Dự án cầu Hiệp Ân 1, dự án cầu Nhị Thiên Đường 2, dự án cầu đường Nguyễn Tri Phương - Chánh Hưng, dự án Khu nhà ở Chiến sĩ, dự án khu nhà ở Hiệp Ân và đường Tạ Quang Bửu): 21 khu**

11	1p56	11	14,0	5	CVCX	nhà số 1260A xây dựng khung rào sắt, mái tôn lợp sáng, nhà 1254C chiếm dụng làm hiên tường gạch, mái tôn	
12	1p22	12	9,2	5	CVCX	Hèm xi măng (cạnh nhà số 1268 và 1262/1/1 Phạm Thế Hiển)	
13	1p23	12	7,4	5	CVCX	Sân trước nhà số 1262/1/1 Phạm Thế Hiển, cạnh 1272 (nhà số 1262/1/1 trở cửa sử dụng, mái che bạt và đặt chậu cây)	
14	1p43	12	14,9	5	CVCX	Sân trống sau nhà số 1280/15 Phạm Thế Hiển (nhà 1280/15 Phạm Thế Hiển rào lưới B40)	
15	1p44	12	11,9	5	CVCX	nhà số 1280/17 xây dựng ban công, hiên trở cửa lưu thông)	

STT	Theo BĐDC		Diện tích (m2)	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
16	50, 1p51	12	26,7	5	CVCX	Nhà số 1280/19, 1280/21 và 1280/21A xây dựng ban công, hiên, trở cửa lưu thông)	
17	1p52	12	41,3	5	CVCX	Hiên trước nhà số 1280/23 và 1280/21A Phạm Thế Hiển (1280/23 và 1280/21A trở cửa lưu thông)	
18	1p56	12	33,3	5	CVCX	Sân trồng phía sau nhà số 1280/25 Phạm Thế Hiển (nhà số 1280/25 trở cửa lưu thông)	
19	1p58	12	19,0			Sân trồng phía sau nhà số 1280/27 Phạm Thế Hiển (1280/27 trở cửa lưu thông, dựng rào lưới B40, mái tôn)	
20	1p61	12	22,3	5	CVCX	Sân trồng sau nhà số 1280/27B, 1280/29 Phạm Thế Hiển (nhà số 1280/27B trở cửa lưu thông, dựng hàng rào và mái che, nhà số 1280/29 trở cửa lưu thông, dựng hàng rào)	
21	1p64	12	6,8	5	CVCX	Tường gạch+mái tôn (Nhà số 1280/31 xây dựng chiếm dụng)	
22	1p2	14	20,3	5	CVCX	Một phần sân trồng+hàng rào, 1 phần chiếm dụng xây tường gạch, mái tôn. (Nhà số 1280/33 bao chiếm sử dụng)	
23	1p7	14	8,4	5	CVCX	Lề đường trước nhà số 1280/37 Phạm Thế Hiển (che mái đặt vật dụng)	
24	1p38+1p52	17	33,07	5	CVCX + đường Dự phóng	Một phần nhà hiện hữu số 20/8 và 20/9 Phạm Thế Hiển + một phần đất đường giao thông	

STT	Theo BĐĐC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
25	trước 42	21	1,9	5	Đất giao thông	Lề đường trước nhà số 1F Liên Tinh 5 (nhà số 1F trở cửa sử dụng)	
26	trước 47	21	15,4	5	Đất giao thông	Do chủ cũ tạm sử dụng khi thực hiện quy hoạch sẽ hoàn trả (nhà tạm: tường gạch, sàn gỗ, vách tôn), cạnh 1K Liên Tinh 5	
27	trước 8	29	5,2	5	Đất giao thông	Tường rào, mái tôn (nhà số 17/3A Liên Tinh 5 chiếm dụng làm hiên)	
28	Trước 65	48	26,0	5	một phần dân cư hiện hữu + một phần lộ giới	Lề đường	
29	Trước 1	83	9,1	5	Lộ giới đường Chánh Hưng	Bậc tam cấp trước nhà số 360 Phạm Hùng	
30	1p21	85	194,3	5	Dân cư hiện hữu	Sân trồng (Trường Đông Nam Á trở cửa sang phần đất này, đặt vật dụng ghế đá, băng rôn, chậu cây)	
31	@	110	1075,6	5	DCHH+Đất giao thông	1 phần lề đường + 1 phần sân trồng trồng cây, để vật dụng (mái che di động, bàn ghế (tiếp giáp đường Tạ Quang Bửu từ số 868 Tạ Quang Bửu đến đường Dương Bạch Mai)	

**DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG 6**

PHỤ LỤC 6

STT	Theo 02/CT-UB		Theo BĐĐC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ					
<b>I. ĐẤT CHƯA QUA SỬ DỤNG: 3 khu</b>									
1			62+63	43	109.1	6	HL điện cao thế, lộ giới mở rộng hẻm phía Đông 6m	sân trống tại hẻm 1873 Phạm Thế Hiển. Nằm dưới đường điện cao thế.	
2			1p1	94	474.4	6	Thuộc đường dự phóng, HLBV kênh rạch, CVCX	Sân xi măng trống + nhà để xe qua đình Bình Đông tại cuối hẻm 2385 PTH	
3			3	94	368,8	6	Thuộc đường dự phóng, HLBV kênh rạch, CVCX	Đôn Nhật (cũ), cuối hẻm 2385 P.T.Hiễn	

STT	Theo 02/CT-UB		Theo BĐDC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ					
<b>II. ĐẤT DÔI DỰ SAU DỰ ÁN CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG 2: 5 khu</b>									
4			49	4	17,3	6	Đường nối Phạm Thế Hiển và QL50	Đường + lề của đường nối Phạm Thế Hiển và Liên Tỉnh 5 (cạnh số 1461 Phạm Thế Hiển)	
5			50	4	11,3				
6			1p2 (trước 15)	7	13,2	6	mở rộng đường QL50 thuộc dự án cầu Nhị Thiên Đường 2	Lề đường trước nhà số 36 hiện hữu	
7			1p62	7	4,4	6	Đường nối Phạm Thế Hiển và QL50	Đường+lề của đường nối Phạm Thế Hiển và Liên Tỉnh 5 (gần số 68/8 LT5)	
8			1p62	7	12,4	6			
<b>III. ĐẤT DO HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP CHIẾN THẮNG QUẢN LÝ: 34 khu</b>									
9	4	1	1p(61, 63,106,107) + @	52	784	6	Nằm trong dự án đường Bình Tiên +Công viên cây xanh	Đất trống	
10	6	1	1p61	52	501	6	Nằm trong dự án đường Bình Tiên	Đất trống + nhà tạm vách tôn, mái tôn	(ông Nguyễn Văn An quản lý, sử dụng)

STT	Theo 02/CT-UB		Theo BĐDC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ					
11	24	1	đường +1p(4,6,7)	89	764	6	Công viên cây xanh	Đất trống+nhà tạm (vách tôn, vách thạch cao, mái tôn)	(bà Nguyễn Thị Chín quản lý, sử dụng)
12	26	1	đường +1p(1,2,5,8)	89	709	6	Công viên cây xanh+đường dự phóng (12m+16m)	Đất trống+nhà tạm+ao	(bà Nguyễn Thị Hương quản lý, sử dụng)
13	38	1	53,54,74	69	793,8	6	Dân cư phát triển+ giao thông (59.9m <sup>2</sup> )	Toàn bộ khu đất được xây dựng nhà tạm (nhà trọ)	Liên quan đến Kết luận thanh tra số 983/UBND-KLTr ngày 16/5/2017 của UBND Q8
14	67	1	1p(6,8)	84	1169,1	6	Công viên cây xanh +đường dự phóng 8m	Đất trống + nhà (vách ván + tôn + gỗ + gạch, mái tôn)	(ông Hai cháu bà Ung Thị Tư quản lý, sử dụng)
15	68	1							

STT	Theo 02/CT-UB		Theo BĐĐC		Diện tích (m2)	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ					
16	113	1	1p(9,10,15,16)+R	67	1381	6	QH đất hỗn hợp, 1 phần dự án đường Bình Tiên	Ao+1 phần đất trống đã san lấp	
17	116	1	1p(1.2,12,14)+R	67	2280	6	Nằm trong dự án công ty Bảo Hưng+đường Bình Tiên	Đất trống	
18	154	1	1p(14,15)+@	89	746	6	HLAT điện+CVCX+đất giao thông	Đất trống+nhà tạm (xưởng)	(ôngTrần Văn Téo quản lý, sử dụng)
19	163	1	1p8	89	296	6	QH dân cư phát triển+đất giao thông	Ao	
20	179	1	1p(35,36)	89	777	6	Nằm trong dự án công ty Đất Mới- Đã có Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất	Ao	
21	181	1	1p(34,35)	89	895				
22	182	1	1p35	89	275				
23	184	1	1p(33,34.35)+R	89	1240				
24	201	1	1p(34,35,42.44)	89	956				

STT	Theo 02/CT-UB		Theo BĐDC		Diện tích (m2)	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú		
	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ							
25	192	1	đường bờ a, 6 +1p4	94	664	6	Công viên cây xanh+HKBV Kênh Rạch	Ao			
26	348	1	rạch +1p(50,51)	99	346	6	Công viên cây xanh+ HKBV Kênh Rạch+ Đường dự phóng 20m	Ao			
27	349	1	1p46	99	479			Đất trống			
28	351	1	rạch +1p(50,51)	99	413			Ao			
29	352	1	1p(18,51)	88,99	642			Ao			
30	355	1	mương +1p15	88	902			Ao			
31	395	1	rạch	87	1070	6	QH đất hỗn hợp (ở+TMDV)	Ao+đất trống			
32	397	1	+1p(10,12,13,19)								
33	406	1	1p21							87	1439
34	410	1	rạch + 1p(20,22)							87	1711,5
35			14+15	55	1337,4	6	Lộ giới Bùi Minh Trực + HLAT Điện	Trụ sở HTX Chiến Thắng và kho			
36	cạnh 357, 360	1	1p(4,10)	88	496	6	Đường dự phóng	Bờ đất và kênh mương thủy lợi			

STT	Theo 02/CT-UB		Theo BĐĐC		Diện tích (m2)	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ					
37	253-295	2	1p(12,16,22,23,26,43)(58)+1p3,4,9,10,11,12,13,14,15,403)+28+ @ (64)+ @ (65)	58, 64, 65	985,9	6	dự án Cty Phương Việt	mương đã san lấp	
38	175-258	2	1p(23,43,58)+1p4+1p(2,3)+1p(16,18,19,21,22)+@	55, 56, 57, 58	1042	6	Đường giao thông+CVCX		
39	190-274	2	mương	56, 57, 64	654	6	Giao thông	Một phần mương đã san lấp	
40	158-179	2	1p1+3 (54)+1p(1,3)+@ (66)	54, 66	962,8	6	Giao thông		
41	143-150	2	1p1+15 (54) + 1p6 (66)	54, 66	1368	6	Giao thông, 1 phần dân cư phát triển		

STT	Theo 02/CT-UB		Theo BĐĐC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ					
42	1p(95, 96, 141, 144, 146, 147) và 1 phần mương	1	24	85	1500	6	Đường dự phóng	Đất trống+nhà tạm	



DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG 7

PHỤ LỤC 7

STT	Theo 02/CT-UB		Theo BĐĐC		Diện tích (m2)	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ					
<b>I. ĐẤT CHƯA QUA SỬ DỤNG: 3 khu</b>									
1			1p3	26	400,4	7	Đường dọc rạch Bà Tầng -CVCX-HLKR	đất trống cuối hẻm 2695 P.T.Hiễn (ao đã san lấp)	
2			16	160	334,8	7	HL điện cao thế	đường dân sinh, cạnh 119 Rạch Cùg. Nằm dưới đường điện cao thế.	
3			1p (13, 14, 15, 16)	113	685.62	7	Thuộc quy hoạch đất công trình công cộng	Phần đất trống cạnh Ban Điều hành khu phố 4, cuối khu đất giáp tường rào trường Nguyễn Trung Ngạn	

STT	Theo 02/CT-UB		Theo BĐĐC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ					
<b>II. ĐẤT DỜI DƯ SAU DỰ ÁN KÈ NGĂN TRIỀU CHỐNG NGẬP RẠCH BÀ TÀNG: 11 khu</b>									
4			1p(16, 34)	4	6,9	7	CVCX + hành lang BV rạch Bà Tầng	Đất trống (hẻm xi măng)	
5			1p19	9	11,2	7	CVCX + hành lang BV rạch Bà Tầng	Sân trống	
6			1p15	10	20	7	CVCX + hành lang BV rạch Bà Tầng	Đất trống bên hông nhà 2491/26C PTH (hẻm xi măng)	
7			1p21+1p22+p123+1p24	10	46,4	7	CVCX + hành lang BV rạch Bà Tầng	Đất trống + hẻm xi măng + đường lưu thông (trước nhà 2675/19 PTH)	
8			1p6+1p7	17	20,8	7	CVCX + hành lang BV rạch Bà Tầng	Đất trống	

STT	Theo 02/CT-UB		Theo BĐĐC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ					
9			1p14	26	9,8	7	CVCX + hành lang BV rạch Bà Tăng	Khoảng trống giữa 2 nhà (cạnh nhà số 2735/65 PTH)	
10			1p4 + rạch	26	32,3	7	CVCX + hành lang BV rạch Bà Tăng	Đất trống cạnh nhà 2733/51/14 PTH (hẻm xi măng)	
11			1p7	26	7	7	CVCX + hành lang BV rạch Bà Tăng	Đường giao thông	
12			1p5+ rạch	26	11,89	7	CVCX + hành lang BV rạch Bà Tăng	Đường giao thông	
13			1p12	26	6,4	7	CVCX + hành lang BV rạch Bà Tăng	Đất trống	
14			501-3B	75	61,7	7	CVCX + hành lang BV rạch Bà Tăng	Đất dừ nước sát rạch Bà Tăng	

STT	Theo 02/CT-UB		Theo BĐDC		Diện tích (m2)	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ					
<b>III. ĐẤT HỢP TÁC XÃ QUẢN LÝ:</b>									
<b>I. HTX NÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ SƠN: 06 khu</b>									
15	362	1	1p(52,53,54,55,56) +@	210	533	7	Năm trong dự án Khu E-Đô thị mới Nam Sài Gòn Đã có Quyết định thu hồi giao đất	Ao	
16	139	1	1p33	205	1762			Ao	
17	140	1	1p(31,47,51)	205	2032			Ao	
18	271	1	1p(52,53)	205	230,8			Kho, HTX quản lý	
19	272	1	1p(51,53,54,55)	205	1317			Kho, HTX quản lý	
20	207	2	1p(1,2,3,4,5,6,7)	179	655	7	Nằm trong dự án Khu D-Đô thị mới Nam Sài Gòn Đã có Quyết định thu hồi giao đất	Ao	

STT	Theo 02/CT-UB		Theo BĐDC		Diện tích (m2)	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú	
	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ						
<b>2. HTX NÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ LỢI: 20 khu</b>										
21	343.347.348	2	10	132	971,7	7	Công trình công cộng	1 phần đất trống đã được BQLĐTXDCT KVQ8 xây dựng hàng rào bằng tường gạch, 1 phần miếu chiến sĩ		
22	cạnh 530	2	1p1+@	139, 140	1000	7	lộ giới Trịnh Quang Nghị	Đất trống cạnh hẻm 280 Trịnh Quang Nghị		
23	77	3	a+ 1p(13,14,15)	124, 145	1172,8	7	Lộ giới Trịnh Quang Nghị	Văn phòng + kho HTX Phú Lợi		
24	317	3	1p29	187	379,5	7	hành lang kênh rạch - nằm trong dự án khu Công nghiệp Phong Phú (thuộc khu Nam quản lý) Đã có Quyết định thu hồi giao đất Hiện nay dự kiến làm Trung tâm hóa chất	Đất biên không có lối vào		
25	318	3	1p29	187	308,2					
26	319	3	1p29+R	187	224,9					
27	488	3	1p(1,29)+R	187, 188	324					
28	487	3	1p29	187	377					
29	445	3	1p(18,19,22,23,24,25)+@	187	1107					Ao
30	443	3	1p36,39,40,41	187	1019					Ao

STT	Theo 02/CT-UB		Theo BĐĐC		Diện tích (m2)	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ					
31	1p485	3	1p20+R(146)+R(121)+R(147)	121, 147	1555	7	Dân cư phát triển (1344m2)+ Đường điện 500kv + lộ giới đường	Kênh mương thủy lợi bị san lấp 1 phần	
32	1p486	3	1p15(124)+R(145)	124, 145	368	7	Dân cư phát triển + Đường dây điện 500kv + lộ giới đường	Kênh mương thủy lợi đã san lấp	
33	10	4	1p(2,3)+R	128	1333	7	Đường dự phóng + Dân cư hiện hữu	Ao, đất trồng, xung quanh rào lưới B40	
34	105	4	1p(1,7,8)	124	928,4	7	Lộ giới Trịnh Quang NGHị, đường dự phóng + dân cư phát triển	Kho HTX quản lý	
35	418	4	1p3	114	1154,3	7	đường dự phóng + công viên cây xanh	Ao	
36	502	4	1p(6,10,11)	94	1658,6	7	công viên cây xanh+ HLBV Kênh rạch	Ao	

STT	Theo 02/CT-UB		Theo BĐĐC		Diện tích (m2)	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ					
37	655	4	1p(30,34,36)+R	84	993	7	Nằm trong dự án Khu C-Đô thị mới Nam Sài Gòn Đã có Quyết định thu hồi giao đất	Ao	
38	653	4	1p(14,15,16)	75	1393				
39	657	4	1p(33,36)+R	84	587				
40	658	4	1p(33,36,40)+R	84	711				



**DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG 8**

PHỤ LỤC 8

STT	Theo BĐĐC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng cũ	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
<b>I. ĐẤT CHƯA QUA SỬ DỤNG: 3 khu</b>							
1	124	2	648	8	Đất dân cư hiện hữu chính trang	Cạnh 231/1A Ba Đình	
2	51	15	33,1	8	Thuộc dự án chỉnh trang đô thị trên và ven Bờ bắc Kênh Đôi	Nhà hiện hữu, Cạnh 121/21 Hưng Phú	
3	52	15	30,9	8	Thuộc dự án chỉnh trang đô thị trên và ven Bờ bắc Kênh Đôi	Nhà hiện hữu, 115/18C Hưng Phú	
<b>II. ĐẤT ĐỐI DƯ SAU DỰ ÁN NÂNG CẤP ĐÔ THỊ THÀNH PHẦN SỐ 2: 16 khu</b>							
4	1p213	2	4,5	8	Dân cư hiện hữu	Bậc tam cấp (nhà số 245/39 trở cửa lưu thông)	
5	1p222	2	4,4	8	Dân cư hiện hữu	Sân trống (hẻm xi măng)+hiên nhà (nhà số 245A/45H Ba Đình xây dựng, trở cửa lưu thông)	

STT	Theo BĐĐC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng cũ	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
6	1p224	2	11	8	Dân cư hiện hữu	Hiện+sân trồng (nhà số 245A/21B xây dựng, trở cửa lưu thông)	
7	1p226, 227	2	18,4	8	Dân cư hiện hữu	Sân trồng (hẻm xi măng) (số 245A/21 trở cửa lưu thông và 245A/21B Ba Đình xây cửa sử dụng)	
8	1p153	3	20,2	8	Dân cư hiện hữu	Sân trồng (hẻm xi măng)+hàng rào B40 di động, góc nhà 211D/9 và số 245A/19 Ba Đình	
9	1p168	3	7,1	8	Đường dự phóng	Khoảng trống, giữa số 231 và 231/17E Ba Đình	
10	1p182, 183	3	11,9	8	Đường dự phóng	Sân trồng (hẻm xi măng) trước số 231/17H1 Ba Đình	
11	1p190	3	11,4	8	Dân cư hiện hữu	Sân trồng (hẻm xi măng) góc số 211B/14 Ba Đình (gần Điện Thánh Mẫu)	

STT	Theo BĐĐC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng cũ	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
12	1p63	17	11,8	8	Đường dự phóng	Sân trống (hẻm xi măng), cạnh số 211B/23 Ba Đình	
13	1p69	17	6,5	8	Dân cư hiện hữu	Sân trống (hẻm xi măng) (nhà số 245A/37 Ba Đình trở cửa lưu thông)	
14	1p75	17	9,9	8	Dân cư hiện hữu	Sân trống (hẻm xi măng) (nhà số 211D/9 Ba Đình xây dựng, trở cửa lưu thông)	
15	1p78	17	9,6	8	Dân cư hiện hữu	Sân trống có rào B40 (nhà số 245A/27 Ba Đình sử dụng)	
16	1p29	18	1,3	8	Dân cư hiện hữu	Sân trống (hẻm xi măng) góc nhà 232/33 và nhà 263D/20 Hưng Phú	

STT	Theo BĐDC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng cũ	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
17	1p57	18	12,1	8	Dân cư hiện hữu (11,2 m <sup>2</sup> ) + đất giao thông (0,9m <sup>2</sup> )	Sân trống (hẻm xi măng) trước số 232/23 Hưng Phú	
18	1p133	18	6,8	8	Đất giao thông	Hẻm xi măng (cạnh số 232 B/12 Hưng Phú) (số 232D/8 trở cửa lưu thông)	
19	1p190	18	13,5	8	Dân cư hiện hữu	Hẻm xi măng, cạnh hông nhà 232/2 Hưng Phú	

**DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG 9**

PHỤ LỤC 9

STT	Theo BĐĐC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
<b>I. ĐẤT ĐÔI DƯ SAU DỰ ÁN: 04 khu</b>							
1	Trước 158	17	21,4	9	Đất giao thông	Sân trống (Phường rào tôn), trước số 53 Phạm Hùng	
2	1p 188 + đường @ (cạnh 190)	23	7,8	9	Dân cư hiện hữu+đất giao thông	Phần sân + lề đường trước nhà số 73/77A (nhà số 73/77A trở cửa lưu thông)	
3	Đường @ (trước 1)	28	15,5	9	Đất giao thông	Hẻm xi măng	
4	Đường (@) trước 74	28	13,8	9	Đất giao thông	Hẻm xi măng trước nhà số 83/113 Chánh Hưng	
<b>II. ĐẤT CHƯA QUA SỬ DỤNG: 01 khu</b>							
5	1p35	37	386,7	9	HLBV Kênh Đôi 30m và thuộc dự án Bờ Bắc Kênh Đôi	đất trống+một căn nhà trệt (đối diện số 38B Nguyễn Duy)	



**DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG 10**

**PHỤ LỤC 10**

STT	Theo BĐDC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Phân loại	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ						
<b>I. ĐẤT CHƯA QUA SỬ DỤNG: 2 khu</b>								
1	125	8	668,8	10	Đất chưa qua sử dụng do phường quản lý	Đất giao thông	Kè đường nội bộ và mảng xanh dọc bờ Rạch Ụ Cây	
2	117	21	13,2	10	Đất chưa qua sử dụng do phường quản lý	dân cư hiện hữu	Đất trồng không lối lưu thông.	
<b>II. ĐẤT DÔI DƯ SAU DỰ ÁN: (DỰ ÁN CẦU ĐƯỜNG CHÁNH HƯNG - NGUYỄN TRI PHƯƠNG, DỰ ÁN NÂNG CẤP ĐÔ THỊ THÀNH PHẦN SỐ 2, DỰ ÁN CHUNG CƯ XÓM ĐÀM): 22 khu</b>								
3	1p 63, 67, 68, 77 và @	8	345,8	10	Đất dôi dư sau dự án chung cư xóm đằm	dân cư hiện hữu	Lề đường, một phần là chốt bảo vệ dân phố, một phần đang là lối lưu thông của các hộ dân ra đường Hưng Phú	

STT	Theo BĐĐC		Diện tích (m2)	Phường	Phân loại	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ						
4	cạnh 61	9	34,4	10	Đất dôi dư sau dự án chung cư xóm đằm	1 phần dân cư hiện hữu+1 phần giao thông	Đất trống (Phường 10 rào chắn B40)	
5	1p8	11	13,4	10	Đất dôi dư sau dự án nâng cấp đô thị thành phần số 2	Đất giao thông	Hẻm xi măng, góc số 791A và số 791B/837 Ba Đình	
6	1p 93, 95, 96	11	44,5	10	Đất dôi dư sau dự án nâng cấp đô thị thành phần số 2	Đường dự phóng	Hẻm xi măng (nhà số 837/16/2 và 792/850 Ba Đình trở cửa lưu thông)	
7	1p132, 133, 134, 135	11	42,4	10	Đất dôi dư sau dự án nâng cấp đô thị thành phần số 2	Dân cư Hiện hữu (37.9 m2) + giao thông	Sân trống (hẻm xi măng) (số 837/28/8/2 Ba Đình trở cửa lưu thông), phường trồng cây làm mảng xanh khu phố	
8	1p2	14	3,8	10	Đất dôi dư sau dự án cầu đường Chánh Hưng - Nguyễn Tri Phương	dân cư hiện hữu (3.2m2) + lộ giới mở rộng đường Chánh Hưng	Nhà hiện hữu	Bà Trương Muội đang sử dụng

STT	Theo BĐDC		Diện tích (m2)	Phường	Phân loại	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ						
9	14	14	17	10	Đất dôi dư sau dự án cầu đường Chánh Hưng - Nguyễn Tri Phương	Dân cư phát triển	Nhà số 20 Chánh Hưng	PTNMT phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện theo Công văn số 11009/STNMT-VPDK ngày 21/12/2022 của STNMT
10	1p31	14	3,7	10	Đất dôi dư sau dự án cầu đường Chánh Hưng - Nguyễn Tri Phương	lộ giới mở rộng đường Ba Đình	Nhà hiện hữu	Bà Mã Há Nữ đang sử dụng
11	32	14	4,42	10	Đất dôi dư sau dự án cầu đường Chánh Hưng - Nguyễn Tri Phương	Đường dự phóng (Ba Đình)	Nhà hiện hữu	ông Đào Cửu đang sử dụng
12	101	1	16	10	Đất dôi dư sau dự án cầu đường Chánh Hưng - Nguyễn Tri Phương	CVCX	Nhà hiện hữu (1 trệt + 1 lầu)	
13	1p60 + @	15	38,4	10	Đất dôi dư sau dự án cầu đường Chánh Hưng - Nguyễn Tri Phương	dân cư hiện hữu (25.9m2) + đường DP	Nhà hiện hữu (3 tầng)	ông Đoàn Ngọc Châu đại diện sử dụng

STT	Theo BĐĐC		Diện tích (m2)	Phường	Phân loại	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ						
14	1p70	17	11,6	10	Đất dôi dư sau dự án nâng cấp đô thị thành phần số 2	Dân cư Hiện hữu (8.7 m2) + giao thông	Sân xi măng (mái tole), đường lưu thông ra hẻm 46 Lưu Ký Quý	
15	1p79	17	11,9	10	Đất dôi dư sau dự án nâng cấp đô thị thành phần số 2	Dân cư Hiện hữu (8.7 m2) + giao thông	Hẻm xi măng cạnh 15 Hưng Phú, đối diện 18 + 19 lô 6	
16	1p 81, 82	17	31,6	10	Đất dôi dư sau dự án nâng cấp đô thị thành phần số 2	Dân cư Hiện hữu (24.5 m2) + giao thông	Hẻm xi măng, đối diện 20 + 21 lô 6 (nhà số 11 Hưng Phú thuộc thửa 133 trở cửa lưu thông), phường trồng cây, làm mảng xanh	
17	1p87	17	4	10	Đất dôi dư sau dự án nâng cấp đô thị thành phần số 2	Đất giao thông+DCHH	Sân trống, cạnh 46/17 Lưu Ký Quý (nhà thửa 71 trở cửa lưu thông)	

STT	Theo BĐDC		Diện tích (m2)	Phường	Phân loại	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ						
18	134 + 1p135, 1p136	17	14,1	10	Đất dôi dư sau dự án nâng cấp đô thị thành phần số 2	Dân cư Hiện hữu (6.9 m2) + giao thông	Hẻm xi măng, đối diện 22, 23 lô 6 (nhà số 11 Hưng Phú thuộc thửa 133 trở cửa lưu thông)	
19	1p138, 139	17	12	10	Đất dôi dư sau dự án nâng cấp đô thị thành phần số 2	Đất giao thông	Hẻm xi măng, đối diện 25, 26 lô 6	
20	1p17	18	9,6	10	Đất dôi dư sau dự án nâng cấp đô thị thành phần số 2	Dân cư Hiện hữu (7.8 m2) + giao thông	Hẻm xi măng, đối diện số 43/521A Dã Tượng (nhà số 43/534 Ba Đình thuộc thửa 15 trở cửa lưu thông), phường trồng cây làm mảng xanh	
21	1p22	18	24,7	10	Đất dôi dư sau dự án nâng cấp đô thị thành phần số 2	Dân cư Hiện hữu	Hẻm xi măng, cạnh số 43/536 Dã Tượng, đối diện số 780/111 Hưng Phú	

STT	Theo BĐĐC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Phân loại	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ						
22	1p33	18	7,1	10	Đất dôi dư sau dự án nâng cấp đô thị thành phần số 2	Dân cư Hiện hữu (2.1m <sup>2</sup> ) + giao thông	Hẻm xi măng trước số 19/20A, cạnh 43/526A Dã Tượng	
23	1p79	18	10,4	10	Đất dôi dư sau dự án nâng cấp đô thị thành phần số 2	Dân cư Hiện hữu	Hẻm xi măng (nhà số 780/1/2B trở cửa lưu thông)	
24	1p82, 83	18	17,9	10	Đất dôi dư sau dự án nâng cấp đô thị thành phần số 2	Dân cư Hiện hữu	Hẻm xi măng (nhà số 43/519 Dã Tượng trở cửa lưu thông)	

**DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG 11**

**PHỤ LỤC 11**

STT	Theo BĐDC		Diện tích (m2)	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
<b>I. ĐẤT CHƯA QUA SỬ DỤNG: 02 khu</b>							
1	canh thửa 8	19	317.1	11	Nằm trọn trong DA Rạch Ụ cây gđoạn 2	Lề đường + Trụ sở KP1+ 1 phần diện tích đã cấp GCN	
2	canh thửa 32, 33	26	326	11	Nằm trọn trong DA Rạch Ụ cây gđoạn 2	Lề đường	

STT	Theo BĐDC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					

**DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG 12**

PHỤ LỤC 12

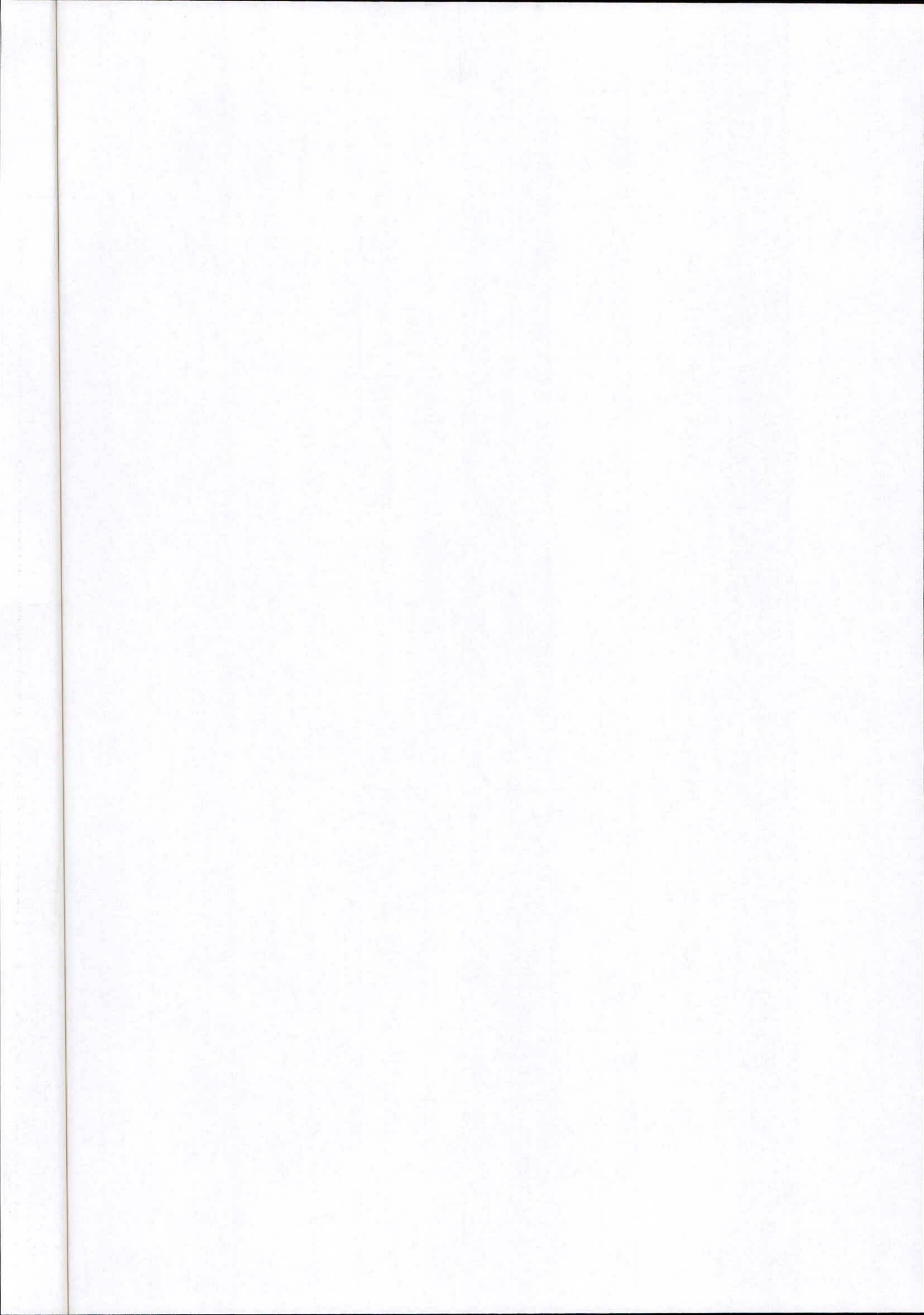
STT	Theo BĐĐC		Diện tích (m2)	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
<b>I. ĐẤT CHỨA QUA SỬ DỤNG: 03 khu</b>							
1	86,88	30	112,2	12	CVCX+đường giao thông	02 căn đối diện 852 Nguyễn Duy (bà Lê Thị Nga, ông Nguyễn Văn Út sử dụng), kết cấu vách gạch + mái tôn	
2	52	31	65,1	12	CVCX+đường giao thông	Bên lên hàng cạnh số 869 Nguyễn Duy (ông Hồ Võ sử dụng), kết cấu vách gạch, tôn + mái tôn	
3	54	31	112,2	12	CVCX+đường giao thông	Nhà số 884+884B Nguyễn Duy (ông Nguyễn Văn Chước và Trần Văn Vinh sử dụng) kết cấu vách gạch, tôn + mái tôn	
<b>II. ĐẤT DỜI DƯ SAU DỰ ÁN CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG II: 07 khu</b>							
4	1p36	7	25,4	12	Dân cư xây mới	Nhà số 549 Tùng Thiện Vương sử dụng (Tường gạch+mái tôn)	
5	1p 37 + đường @	7	23,3	12	Dân cư xây mới	Lề đường cạnh nhà số 549 và trước nhà số 555/3 Tùng Thiện Vương	
6	1p 2	9	3,1	12	Dân cư xây mới	Lề đường cạnh nhà số 557 và trước nhà số 557/2 Tùng Thiện Vương + 1 phần nhà 557/2 Tùng Thiện Vương	

STT	Theo BĐĐC		Diện tích (m2)	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
7	trước 28 + đường @	9	16,6	12	Dân cư xây mới	Phần lề đường+nhà tạm (vách tôn) do chủ cũ tạm sử dụng (hộ bà Nguyễn Thị Kim Loan). Thực tế có bề rộng khoảng 1.5m và chiều dài ôm theo mặt tiền đường khoảng 7m.	
8	trước 35,36 (đường @)	9	11,6	12	Đất giao thông	Phần sân trồng trước nhà số 583/4	
9	84	9	12,2	12	Dân cư xây mới + giao thông	Phần sân trồng + khung sắt và một phần nhà số 597/2 Tùng Thiện Vương đã xây dựng sử dụng.	
10	trước 69 (đường @)	20	16,2	12	Dân cư hiện hữu + giao thông	Phần lề đường+1 phần rào sắt, che mái bạt+tôn cạnh số 643 và 647/1 Tùng Thiện Vương	

**DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG 13**

PHỤ LỤC 13

STT	Theo BĐĐC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
<b>I. ĐẤT CHƯA QUA SỬ DỤNG:</b>							
1	9, đường	3	113,2	13	đất giáo dục+giao thông	Nhà cạnh số 17 Bùi Huy Bích (vách gạch, mái tôn), chân cầu số 1 (ông Trương Bá Tùng sử dụng từ năm 1989)	



**DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG 14**  
**PHỤ LỤC 14**

STT	Theo BĐĐC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
<b>I. ĐẤT CHƯA QUA SỬ DỤNG: 22 khu</b>							
1	1p12	51	548,7	14	Thuộc quy hoạch đất dân cư phát triển và lộ giới đường giao thông + Thuộc Dự án chỉnh trang đô thị dọc tuyến Cầu đường Bình Tiên theo Văn bản số 6401/UBND-ĐTMT ngày 15/12/2011 của UBND Thành phố)	Đất trồng.	nhà bao chiếm từ số 8F đến đối diện 20F1/28 Hoàng Sỹ Khải
2	1	51	44,2	14			
3	3	51	49,7	14			
4	4	51	32,2	14			
5	5	51	48	14			
6	6	51	47,8	14			
7	7,1p12,1p8	51	59,5	14			
8	1p(8,12)	51	61,9	14			
9	9,1p12, hẻm	51	34,9	14			
10	10,1p12	51	51,3	14			
11	11	51	62,9	14			
12	1p26	51	45,2	14			
13	1p27	51	65,2	14			

STT	Theo BĐĐC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
14	28	51	46,5	14	Thuộc quy hoạch đất dân cư phát triển và lộ giới đường giao thông + Thuộc Dự án chỉnh trang đô thị dọc tuyến Cầu đường Bình Tiên theo Văn bản số 6401/UBND-ĐTMT ngày 15/12/2011 của UBND Thành phố)	nhà bao chiếm từ số 8F đến đối diện 20F1/28 Hoàng Sỹ Khải	
15	29	51	31,1	14			
16	31,1p30	51	27,4	14			
17	32	51	39,9	14			
18	33	51	31,4	14			
19	34	51	27,7	14			
20	35	51	25,3	14			
21	36	51	38	14			
22	1p30,hẻm	51	121,5	14			
<b>II. HỢP TÁC XÃ TIÊU DÙNG PHƯỜNG 14 QUẢN LÝ: 02 khu</b>							
23	2	28	1584,2	14	QHCTCC+giao thông	đất trống + một căn nhà (132/62 Cây Sung)	
24	11	39	265,8	14	thuộc dự án Bờ Bắc Kênh Đồi	dãy kiot đối diện số 41 Hoài Thanh	

**DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG 15**

**PHỤ LỤC 15**

STT	Theo BĐĐC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
<b>I. ĐẤT CHƯA QUA SỬ DỤNG: 15 khu</b>							
1	cạnh thửa 55	25	124,9	15	Dân cư hiện hữu - Giao thông	Sân trống cạnh TSKP 4	
2	a+1p(34,35,4 5,46,47)	30+ 31	2047,2	15	Đất CVCX+Đường dự phóng+ Đất dân cư hiện hữu	Đất trống cạnh Rạch Lào đã được rào chắn bằng tường gạch	
3	1p1	32	1676,9	15	Dân cư mới	Sân bóng đá cạnh Trụ sở Ủy ban nhân dân Phường 15	
4	1p(103,105),h ẻm	41	649,4	15	Dân cư mật độ thấp	Đất trống+1 căn nhà (ông Hoàng Văn Bút sử dụng).	
5	1p97	45	189,6	15	Dân cư mật độ thấp - Giao thông	Đất trống đã được rào chắn bằng tường gạch+1 căn nhà (bà Nguyễn Thị Nghi)	
6	1p(110,97), hẻm	45	559,8	15	Dân cư mật độ thấp - Giao thông	Đất trống+nhà tình nghĩa	

STT	Theo BĐĐC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
7	canh 39	47	45,7	15	Đường dự phóng	Đất trống phía sau Chợ Vạn Nguyên.	
8	1p(48)(73),1p (1,2,3,4,@,71 )	73+74	1937.1	15	Dân cư mới - Giao thông	đất trống+vườn	
9	5	75	2214,6	15	đất CVCX - Dân cư mới - Giao thông	Ao, Hẻm 119 Mễ Cốc khu vườn cải	

STT	Theo BĐĐC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
10	1p(22,36), 25	68	1448,3	15	đất CVCX	Đất trống đã được rào chắn bằng tường gạch	
11	1p(1,2,3)	76	3019,8		đất CVCX - Dân cư MĐT - Giao thông		
12	1p41	82	853	15	Thuộc dự án cụm 03 trường	Đất trống	
13	19	90	713	15	Đất giáo dục - Giao thông	Đất trống tại số 8C Lê Thành Phương	
14	1p(5,4)	93	70,2	15	Đất dân cư hiện hữu	Ao đã san lấp không có lối lưu thông, không thể sử dụng làm 1 lô đất đơn lẻ. Hẻm 166 Mễ Cốc	
15	1p(5,3,4) + 6	102	1100,2	15	Dân cư hiện hữu - đường dự phóng	Công viên+thể dục thể thao	
<b>II. ĐẤT DỜI DƯ SAU DỰ ÁN CẦU KÈNH NGANG SỐ 3: 05 khu</b>							
16	1p1	61	25,0	15	lộ giới mở rộng đường Mễ Cốc và đường Bình Đức	Nhà tạm còn lại sau khi giải tỏa (kết cấu: cột gỗ, mái tôn), chủ nhà số 26 Mễ Cốc sử dụng	
17	1p24	61	24,0	15	lộ giới mở rộng đường Mễ Cốc	Nhà tạm 106 Mễ Cốc (kết cấu: vách tôn, mái tôn)	

STT	Theo BĐDC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ					
18	30	61	28,8	15	Đường dự phóng	Nhà hiện hữu (do chủ cũ tạm sử dụng)	
19	20,21	70	53,9	15	Đất giáo dục + Lộ giới Mễ cốc	Sân xi măng + đất trồng.	
20	1p52	70	23,1	15	dân cư hiện hữu (8.7m <sup>2</sup> ) + lộ giới mở rộng đường Mễ Cốc	Sân xi măng (nhà số 119/11 trở cửa lưu thông)	

## DANH MỤC CÁC KHU ĐẤT DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG 16

PHỤ LỤC 16

STT	Theo 02/CT-UB		Theo BĐĐC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ					
<b>I. ĐẤT CHƯA QUA SỬ DỤNG: 08 khu</b>									
1			1p (403,10)	128, 125	354,3	16	DCPT-giao thông	Ao đã san lấp tại hẻm 403 Phú Định Theo Quyết định số 9258/QĐ-UBND 30/10/2014 của UBND Q8	
2			39	15, 16	5799,3	16	Khu di tích lò gốm Hưng Lợi - đường dự phóng	Khu di tích lò gốm Hưng Lợi (đã bị người dân san lấp) là đất trồng UBND P16 đã rào lưới B40, nghĩa địa+nhà bao chiếm	
3			Rạch	49	159,7	16	CTCC	đất rạch đã bồi lấp, có một phần tiếp giáp với rạch và một phần là nhà số 80/33/10A đường 41 (vách tôn, gạch, mái tôn)	
4			4, 5, 6, 7, 8, 17, 27	101	1509.3	16	DCHH chính trang - giao thông	Khu tạm cư Trương Đình Hội 4	

STT	Theo 02/CT-UB		Theo BĐĐC		Diện tích (m2)	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ					
5			Rạch	120	268	16	CVCX - HLBVKR - giao thông	Một phần rạch đã bồi lấp+đất trồng+có một phần do Đình Đông Phú đang sử dụng và một phần do bị người dân chiếm dụng	
6			1p(2, 1, 3, 6)	133	1567,8	16	Giáo dục - giao thông	Ao đã san lấp tại hẻm 440 Phú Định Theo Quyết định số 9256/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của UBND Q8	
7			1p(9,10,11,12,14,15,16,17,30)	143	567,8	16	Đất dân cư phát triển	Đất trống + nhà bao chiếm cạnh Dự án công ty Sài gòn phố	
8			1p30	143	485,2	16	dân cư phát triển+giao thông	đất trống + ao không có lối lưu thông. Sau lưng UBND P16	
<b>II. ĐẤT DÔI DƯ SAU DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ TRƯỞNG ĐÌNH HỘI II: 01 khu</b>									
9			1p17, 24	81	70,7	16	Lộ giới đường giao thông	Đất trống (cuối hẻm 156 An Dương Vương)+một phần phía sau nhà 44/16 An Dương Vương	

STT	Theo 02/CT-UB		Theo BĐĐC		Diện tích (m2)	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ					
<b>III. ĐẤT CÓ NGUỒN GỐC HỢP TÁC XÃ THAY MẶT NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ (HTX PHÚ ĐỊNH GIẢI THỂ): 23 khu</b>									
10	36	1	1p3+@	151	583	16	Đất giao thông	Đường bên hông kho Petec	
11	9,10,104	2	ạch +1p10	136	1072,7	16	CXBVKR - giao thông - DCPT	Xưởng ac quy cũ (một số công trình tạm (vách gạch+tôn, mái tôn, đất trồng+vườn), hàng rào bằng tường gạch+cổng sắt)	
12	69	2	1p(13,14,15)	119	83	16	giao thông	Nhà bao chiếm+một phần đất không vào được do khóa cổng	
13	78	2	ạch+1p(2,3)	124	1180	16	DCPT-DCHH chỉnh trang-đường giao thông	Ao và một phần diện tích người dân bao chiếm (14,35m2)	
14	295	2	19+1p16	118	2779,6	16	DCPT - Giao thông	Ao	
15	85	2						Ao	
16	553.741	3	1p(3,4)	106	1018,2	16	DCHH chỉnh trang - đường giao thông	Ao, Cặp hông hội quán Sùng Chính, có 1 hộ bao chiếm xây nhà (67,5m2)	

STT	Theo 02/CT-UB		Theo BĐĐC		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ					
17	606	4	1p(35,36,39)	36	200	16	DCPT-đường giao thông	Đất trống, không có lối vào	
18	141	4	mương+1p55,61,62,63,64,65,66,68,69 tờ 13 mương+đường+1p17,18,19,20,21,24,25,26 tờ 14	13,14	1723	16	DCPT-đường giao thông	Mương+đường+một phần nhà	
19	305	4	1p21	37	995,7	16	DCPT-Giao thông (Vành đai trong)	Đường lưu thông của các hộ dân (133.9m <sup>2</sup> )+Đất trống	
20	408	4	rạch	35	440	16	Giáo dục + Giao thông	Đường+nhà hiện hữu+đất trống	
21	452	4	rạch+1p(76,77,78,79,80,81,82)	36	1861	16	DCPT - Giao thông	Nhà hiện hữu + đường giao thông+đất trống	
22	491	4	1p1+2,3,4,5,6	47					
23	493	4	đường+34,35,37,38+ 1p(15,16,33,36,39,40,41,42,43)	46	1200		Giao thông		
24	494	4							
25	603	4	1p1	46	1000		DCPT - giao thông		
26	376	4	rạch+1p(10,12)	39	411,9	16	DCPT	Đất trống + dãy nhà trọ (không có đường vào)	

STT	Theo 02/CT-UB		Theo BĐĐC		Diện tích (m2)	Phường	Quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ					
27	28	4	1p13	1	284,5	16	CVCX-hành lang bv kênh rạch	Dãy nhà trọ+đường đi	
28	30	4		1	2896,1	16	CVCX-DCHH-Đường giao thông	Ao và trường Nguyễn Đình Chiểu+đất trồng+1 phần nhà trọ	
29	53	4							
30	54	4							
31	55	4							
32	56	4	1p(27,28,29,31)	1	589	16	DCHH chỉnh trang - đường giao thông	Nhà + đất trồng	

